

Số: 2905/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 07 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Credible Việt Nam ngày 30 tháng 7 năm 2024 và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 771/TTr-STNMT ngày 06 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Credible Việt Nam, địa chỉ tại Lô đất CN8.1, Khu công nghiệp An Phát 1, xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy Credible” tại Lô đất CN8 (lô đất ký hiệu là CN8.1), Khu công nghiệp An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy Credible.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất CN8 (lô đất ký hiệu là CN8.1), Khu công nghiệp An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801407492 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2023; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9842446434 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 29/9/2023.

1.4. Mã số thuế: 0801407492.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Sản xuất băng vệ sinh, tã cho người tiêu tiện mắt kiểm soát.
- Sản xuất tã người lớn và trẻ em.
- Sản xuất băng vệ sinh hằng ngày.
- Sản xuất đệm điều dưỡng/thăm một lần cho vật nuôi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích thực hiện dự án: 80.000 m².

- Công suất: Sản xuất sản phẩm từ giấy: Băng vệ sinh, băng vệ sinh hàng ngày; bím/tã cho người lớn và trẻ em; đệm điều dưỡng, thăm 1 lần cho vật nuôi công suất 1.980.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Credible Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Credible Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc

xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Công ty TNHH Credible Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Nam Sách;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2905/GPMT-UBND

ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1, không thải trực tiếp ra ngoài môi trường).

- Công ty TNHH Credible Việt Nam có trách nhiệm xử lý nước thải phát sinh đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1 do Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 làm chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và vận hành hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ các nhà vệ sinh công nhân, nhà vệ sinh khu văn phòng (thuộc nhà xưởng số 1) được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (số lượng: 03 bể, tổng thể tích 28 m³); đường ống thu gom từ trong nhà ra bể tự hoại là ống D110, độ dốc 1%, độ dài 70m; nước sau bể tự hoại được dẫn ra hệ thống đường ống thu gom D300, độ dốc 0,3%, dài 300m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty.

- Nước thải từ các nhà vệ sinh công nhân, nhà vệ sinh khu văn phòng (thuộc nhà xưởng số 2) được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (số lượng: 03 bể, tổng thể tích 25 m³), đường ống thu gom từ trong nhà ra bể tự hoại là ống D110, độ dốc 1%, độ dài 50m; nước sau bể tự hoại được dẫn ra hệ thống đường ống thu gom D300, độ dốc 0,3%, dài 232m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty.

- Nước thải từ nhà vệ sinh (thuộc nhà bảo vệ) được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 3 m³), đường ống thu gom từ trong nhà ra bể tự hoại là ống D110, độ dốc 1%, độ dài 10m, nước sau bể tự hoại được dẫn ra hệ thống đường ống thu gom D200, độ dốc 0,5%, dài 50m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty.

- Nước thải từ khu vực bếp, nhà ăn (thuộc nhà xưởng số 1) được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách mỡ (thể tích 5 m³); đường ống thu gom từ trong nhà ra bể tách

mỡ là ống D110, độ dốc 1% độ dài 20m; nước sau bể tách mỡ được dẫn ra hệ thống đường ống thu gom D300, độ dốc 0,3%, dài 150m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn cam kết với Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 sẽ tự chảy qua hố ga kiểm tra và đầu nổi ra hệ thống thu nước thải của Khu công nghiệp An Phát 1 qua đường ống HDPE D300, độ dốc 0,3%, dài 18m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ

- Bể tự hoại, bể tách mỡ:

+ 03 bể tự hoại có tổng dung tích 28 m³ tại khu vực xưởng sản xuất và khu vực văn phòng thuộc nhà xưởng số 01.

+ 03 bể tự hoại có tổng dung tích 25 m³ tại khu vực xưởng sản xuất và khu vực văn phòng thuộc nhà xưởng số 02.

+ 01 bể tự hoại dung tích 3 m³ tại khu vực nhà bảo vệ.

+ 01 bể tách mỡ, dung tích 5 m³.

- Quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày đêm.

+ Nước thải nhà ăn → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày đêm.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhà vệ sinh qua bể tự hoại, nước thải nhà ăn qua bể tách mỡ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 25 m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật các bể: Bể gom - 2,7 m³ (1 m x 0,9 m x 3 m); bể điều hòa - 12,6 m³ (2,8 m x 1,5 m x 3 m); bể thiếu khí - 21 m³ (2,8 m x 2,5 m x 3 m); bể hiếu khí - 10,08 m³ (2,8 m x 1,2 m x 3 m); bể lắng - 11,4 m³ (2 m x 1,9 m x 3 m); bể chứa bùn - 4,32 m³ (1,6 m x 0,9 m x 3 m) và bể khử trùng - 4,2 m³ (2 m x 0,7 m x 3 m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ri mật 10 g/m³ nước thải; men vi sinh 10 g/m³ nước thải; hóa chất khử trùng là NaOCl 3,26 g/m³ nước thải (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu chất lượng đầu vào của Khu công nghiệp An Phát 1).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất; tần suất bảo dưỡng 06 tháng/lần.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (máy bơm, máy thổi khí,...) để thay thế sử dụng ngay khi có sự cố hỏng thiết bị.

+ Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Biện pháp khắc phục: Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đầu vào của Khu công nghiệp An Phát 1 phải dừng hoạt động xả nước thải ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp và tiến hành kiểm tra, khắc phục đảm bảo chất lượng nước thải nằm trong ngưỡng tiếp nhận của Khu công nghiệp; trường hợp sự cố kéo dài và các bể trong hệ thống không còn khả năng lưu chứa thì Công ty liên hệ với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp An Phát 1 đề xuất phương án xử lý hoặc thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng (từ ngày 15/02/2026 đến ngày 15/8/2026).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm lấy tại bể gom và 01 điểm lấy tại vị trí đầu nối với Khu công nghiệp).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo tiêu chuẩn đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp An Phát 1 theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Credible Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Trong quá trình xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp An Phát 1 nếu có sự cố bất thường, phải báo cáo kịp thời về Chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp An Phát 1 để có biện pháp xử lý.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.7. Công ty TNHH Credible Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 2905/GPMT-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn phát sinh khí thải.

01 nguồn phát sinh: Khí thải phát sinh từ 23 dây chuyền sản xuất trong nhà xưởng số 01 và nhà xưởng số 02 - khu vực phát sinh hơi keo như phun keo, gia nhiệt, dán keo,...

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải, tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải tập trung (xử lý khí thải và hơi keo), lưu lượng 20.000 m³/h.

2.1. Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰30', múi chiều 3⁰):

$$X(m) = 2324839; Y(m) = 589538$$

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn - theo ca làm việc (16h/24h).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT mức B với $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT Mức B, giá trị C_{max}	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	1000	-		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	-		
4	NO _x	mg/Nm ³	850	-		
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-		
6	1,3-Butadien	mg/Nm ³	-	2.200		
7	Styren	mg/Nm ³	-	100		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

01 nguồn phát sinh: Khí thải phát sinh từ 11 dây chuyền sản xuất trong nhà xưởng số 01 và 12 dây chuyền sản xuất từ nhà xưởng số 02 - khu vực phát sinh hơi keo như phun keo, gia nhiệt, dán keo,... được thu gom qua 23 ống hút thép mạ kẽm D200 có tổng chiều dài 50 m, sau đó được dẫn qua hệ thống đường ống nhánh D400 có tổng chiều dài 112 m, D550 có tổng chiều dài 59 m và đầu nối vào 02 đường ống chính D650, tổng chiều dài 46m tại nhà xưởng số 01 và nhà xưởng số 02; sau đó được gom chung vào 01 đường ống chính D850 có chiều dài 20 m dẫn đến hệ thống xử lý khí thải tập trung. Tại đây, khí thải được hấp thụ bằng than hoạt tính, bộ lọc than hoạt tính là vật liệu tôn mạ kẽm, kích thước 2,3 m x 1,4 m x 2,9 m.

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (mức B) và QCVN 20:2009/BTNMT được quạt hút công suất 20.000 m³/h hút ra ngoài môi trường qua ống thải đường kính D850, chiều cao 14 m so với mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải từ 23 dây chuyền sản xuất (khu vực phát sinh hơi keo) → Ống hút thép mạ kẽm D200 → Đường ống nhánh D400 và D550 → 02 Đường ống chính D650 → 01 Đường ống chính D850 → 01 Bộ lọc than hoạt tính → Quạt hút 20.000 m³/h → Ống thoát khí ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật: 23 ống hút thép mạ kẽm D200 có tổng chiều dài 50 m; 04 đường ống nhánh thép mạ kẽm D400 có tổng chiều dài 112 m và 02 đường ống nhánh thép mạ kẽm D550 có tổng chiều dài 59 m; 02 đường ống chính D650 có tổng chiều dài 46 m; 01 đường ống chính D850 chiều dài 20 m và 01 bộ lọc than hoạt tính chất liệu tôn mạ kẽm, kích thước 2,3 m x 1,4 m x 2,9 m, độ dày lớp than hoạt tính 350mm; 01 quạt hút lưu lượng 20.000 m³/h; 01 ống thoát khí đường kính D850, chất liệu SS400, cao 14m so với mặt đất.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, độ dày 350 mm, khối lượng 1.400 kg/ lần thay, tần suất thay 3 tháng/ lần hoặc khi cần thiết.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng tránh:

+ Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

+ Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (quạt hút,...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra sự cố.

+ Thay thế kịp thời các thiết bị hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực có thiết bị hỏng cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng (từ ngày 15/02/2026 đến ngày 15/8/2026).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải tập trung phát sinh từ 23 dây chuyền sản xuất trong nhà xưởng số 01 và nhà xưởng số 02 - khu vực phát sinh hơi keo như phun keo, gia nhiệt, dán keo,... công suất 20.000 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Số điểm
1	Khí thải tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải tập trung (xử lý khí thải và hơi keo) công suất 20.000 m ³ /h	01

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể

như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của dự án.

3.3. Công ty TNHH Credible Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục III
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2905/GPMT-UBND
ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn phát sinh.

- Nguồn số 01: Phát sinh từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải tập trung (xử lý khí thải và hơi keo) công suất 20.000 m³/h.

- Nguồn số 02: Phát sinh từ khu vực máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^o30', múi chiều 3^o.

- Nguồn số 01: X(m) = 2324838 ; Y(m) = 589537

- Nguồn số 02: X(m) = 2325557 ; Y(m) = 588048.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc

cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh khu vực nhà máy làm giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn và tạo cảnh quan môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2905/GPMT-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	500	18 02 01	KS
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại (thùng dầu, phi dầu, hộp đựng keo, hộp đựng mực in ...)	Rắn	2.500	18 01 02	KS
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	240	18 01 03	KS
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	20	19 06 01	NH
5	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	5.600	12 01 04	NH
6	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	450	17 02 03	NH
7	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có linh kiện điện tử (tắc te, bóng lưu điện, bóng đèn led,...)	Rắn	20	16 01 13	NH
8	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (có thành phần nguy hại)	Rắn	400	19 02 06	NH
10	Keo cặn ở vỏ thùng, keo chết...	Rắn	600	08 03 01	KS

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
11	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	16 01 06	NH
Tổng			10.350		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bao bì nhựa, Nilon, vỏ nhựa, màng PE rách hỏng,...	Rắn	721.000	18 01 06
2	Giấy, bao bì giấy (Bìa carton, giấy thấm, giấy không bụi...)	Rắn	8.500.000	18 01 05
3	Bao bì gỗ (Palet hỏng, thùng gỗ ...)	Rắn	900	18 01 07
4	Mực in thải (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo)	Rắn	240	08 02 06
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ khác	Rắn	1.500	18 02 02
6	Cặn nước từ hệ thống xử lý và từ các hệ thống thu gom và thoát nước mưa	Rắn/lỏng	5.013	-
7	Bùn cặn từ hệ thống bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải	Rắn/lỏng	3.342	-
Tổng			9.231.995	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 54,3 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa bằng nhựa HDPE dung tích 220 lít được dán tên và mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: Diện tích 21,84 m² (nằm trong nhà xưởng số 01).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: vách ngăn chống cháy, mái bằng tôn seamlock, có cửa ra vào kiểm soát, nền bê tông, có rãnh và hố thu chất thải nguy hại dạng lỏng phòng ngừa ứng phó khi có sự cố rò rỉ, bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích từ 50 - 100 lít; bao tải PP loại 50kg.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: diện tích 153,66m², giáp khu vực kho chứa chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt (nằm trong nhà xưởng số 01) và diện tích 208,26m² (nằm trong nhà xưởng số 02).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho chứa được ngăn cách với các khu vực xung quanh bằng vách ngăn chống cháy, mái bằng tôn seamlock, có cửa ra vào kiểm soát.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 20 - 50 lít/thùng.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: diện tích 53,04m², giáp khu vực chứa chất thải nguy hại và chất thải rắn thông thường (nằm trong nhà xưởng số 01).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho chứa được ngăn cách với các khu vực xung quanh bằng vách ngăn chống cháy, mái bằng tôn seamlock, có cửa ra vào kiểm soát.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2905/GPMT-UBND
ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận và đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp An Phát 1.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.